

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

### **Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026  
**đã được soát xét**



## **MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                                   | <b>TRANG</b> |
|---------------------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC                          | 02 – 03      |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 04           |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT                |              |
| Báo cáo tình hình tài chính                       | 05 – 06      |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh              | 07           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                        | 08 – 09      |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính                 | 10 – 35      |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

#### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Dệt May 7 tiền thân là Công ty TNHH MTV Dệt May 7. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt May 7 theo quyết định số 943/QĐ-BQP ngày 29/03/2017 của Bộ Quốc Phòng. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300509782 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Cấp ngày 03/07/2017, Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 ngày 31/07/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Dệt, nhuộm, in, may; Gia công sản phẩm cơ khí; Mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt, nhuộm, in, may, cơ khí.

Trụ sở chính của Công ty tại 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đơn vị trực thuộc như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may 7 – Hà Nam tại Thôn Nhân Hậu, Xã Nam Lý, Tỉnh Ninh Bình. Chi nhánh hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty với mã số chi nhánh là 0300509782-002 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 30/03/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/07/2026.

#### **Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

##### **Hội đồng Quản trị:**

|                         |                 |
|-------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Tùng    | Chủ tịch HĐQT   |
| Ông Đinh Quang Nhẫn     | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Thanh Dương  | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Xuân Thùy    | Thành viên HĐQT |
| Bà Trần Thị Phương Hồng | Thành viên HĐQT |

##### **Ban giám đốc:**

|                         |              |
|-------------------------|--------------|
| Ông Đinh Quang Nhẫn     | Giám đốc     |
| Ông Hà Hồng Quân        | Phó Giám đốc |
| Bà Trần Thị Phương Hồng | Phó Giám đốc |

##### **Ban Kiểm soát:**

|                         |            |
|-------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Anh   | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thuận     | Thành viên |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Người đại diện theo pháp luật:**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Quang Nhẫn                      Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

**Đinh Quang Nhẫn**  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Số: 11.06.1.1/26/BCTC/NVA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dệt May 7**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt May 7, được lập ngày 10/08/2026, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán NVA  
Phó Tổng Giám đốc**  
**Lê Hồng Đào**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Cuối kỳ                | Đầu năm                |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>265.043.741.369</b> | <b>406.303.984.542</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>88.426.361.723</b>  | <b>52.146.473.943</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 8.426.361.723          | 12.146.473.943         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 80.000.000.000         | 40.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>86.572.869.918</b>  | <b>266.332.148.667</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | V.2         | 86.875.812.106         | 269.718.502.021        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | V.3         | 3.162.289.938          | 755.860.490            |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 135        | V.4         | 1.485.197.241          | 808.215.523            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 136        | V.5         | (4.950.429.367)        | (4.950.429.367)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>V.6</b>  | <b>88.835.843.060</b>  | <b>87.627.616.096</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 88.835.843.060         | 87.627.616.096         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 142        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>          | <b>150</b> |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>160</b> |             | <b>1.208.666.668</b>   | <b>197.745.836</b>     |
| 1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn              | 161        | V.7         | 1.208.666.668          | 197.745.836            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>126.347.576.111</b> | <b>139.875.391.580</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>561.000.000</b>     | <b>2.250.000.000</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 215        | V.4         | 561.000.000            | 2.250.000.000          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>123.291.889.980</b> | <b>132.916.970.307</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | V.9         | 123.291.889.980        | 132.916.970.307        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 533.307.907.795        | 532.530.130.017        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (410.016.017.815)      | (399.613.159.710)      |
| <b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>         | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>            | <b>250</b> |             | <b>832.188.000</b>     | <b>1.400.000.000</b>   |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 252        | V.8         | 832.188.000            | 1.400.000.000          |
| <b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>260</b> |             | -                      | -                      |
| <b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>             | <b>270</b> |             | <b>1.662.498.131</b>   | <b>3.308.421.273</b>   |
| 1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn               | 271        | V.7         | 1.644.730.586          | 3.025.177.095          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 272        | V.10        | 17.767.545             | 283.244.178            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>280</b> |             | <b>391.391.317.480</b> | <b>546.179.376.122</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Cuối kỳ                | Đầu năm                |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>300</b> |             | <b>102.086.375.108</b> | <b>242.304.701.547</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>102.086.375.108</b> | <b>242.304.701.547</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311        | V.11        | 36.318.117.425         | 44.246.098.583         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312        | V.12        | 37.806.185.538         | 135.067.322.600        |
| 3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận                   | 313        | V.13        | -                      | 15.411.100.000         |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn | 314        | V.14        | 4.119.196.649          | 17.180.859.564         |
| 5. Phải trả người lao động                      | 315        |             | 11.067.027.484         | 23.311.244.048         |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 316        | V.15        | 1.254.162.366          | 387.615.503            |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                       | 320        | V.16        | 5.519.593.052          | 5.478.533.835          |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 323        |             | 6.002.092.594          | 1.221.927.414          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                           | <b>330</b> |             | -                      | -                      |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> | V.17        | <b>289.304.942.372</b> | <b>303.874.674.575</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 154.111.000.000        | 154.111.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 154.111.000.000        | 154.111.000.000        |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 115.461.352.019        | 109.556.974.666        |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 420        |             | 19.732.590.353         | 40.206.699.909         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 420a       |             | -                      | 693.815.320            |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 420b       |             | 19.732.590.353         | 39.512.884.589         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>391.391.317.480</b> | <b>546.179.376.122</b> |

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Liễu

Nguyễn Thị Đức

Đinh Quang Nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                  | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này          | Kỳ trước        |
|-----------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01    | VI.1        | 285.405.566.373 | 289.569.077.488 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ           | 10    |             | 285.405.566.373 | 289.569.077.488 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11    | VI.2        | 243.925.754.009 | 250.842.251.487 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 20    |             | 41.479.812.364  | 38.726.826.001  |
| 6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư |       |             | -               | -               |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21    | VI.3        | 1.782.613.207   | 1.567.815.260   |
| 8. Chi phí tài chính                                      | 22    |             | -               | -               |
| Trong đó: Chi phí đi vay                                  | 23    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí bán hàng                                       | 25    | VI.4        | 3.655.724.625   | 3.374.190.403   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 26    | VI.4        | 14.834.286.066  | 18.971.144.481  |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 30    |             | 24.772.414.880  | 17.949.306.377  |
| 12. Thu nhập khác                                         | 31    | VI.5        | 45.141.384      | 1.863.340.071   |
| 13. Chi phí khác                                          | 32    | VI.5        | 151.818.324     | 2.631.096.140   |
| 14. Lợi nhuận khác                                        | 40    |             | (106.676.940)   | (767.756.069)   |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     | 50    |             | 24.665.737.940  | 17.181.550.308  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | 51    | VI.6        | 4.667.670.954   | 3.461.592.088   |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại           | 52    | VI.7        | 265.476.633     | (17.462.027)    |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp              | 60    |             | 19.732.590.353  | 13.737.420.247  |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 70    | VI.8        | 1.280           | 891             |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 71    | VI.8        | 1.280           | 891             |

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Liễu

Nguyễn Thị Đức

Đinh Quang Nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                                  | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ này                  | Kỳ trước                |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                         |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác               | 01        |             | 366.667.321.051         | 321.354.381.778         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                    | 02        |             | (216.236.547.546)       | (281.602.053.057)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                        | 03        |             | (41.546.413.492)        | (46.839.144.107)        |
| 4. Chi phí đi vay đã trả                                                  | 04        |             | -                       | -                       |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                      | 05        |             | (12.260.297.756)        | (7.311.841.516)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                  | 06        |             | 4.310.618.454           | 6.378.993.062           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                 | 07        |             | (28.978.779.582)        | (26.473.274.079)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                      | <b>20</b> |             | <b>71.955.901.129</b>   | <b>(34.492.937.919)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                            |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác         | 21        |             | (471.986.556)           | (6.216.929.000)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác      | 22        |             | -                       | 38.750.000              |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                   | 23        |             | -                       | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác           | 24        |             | -                       | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                | 25        |             | -                       | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                            | 26        |             | -                       | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                    | 27        |             | 1.782.613.207           | 1.567.815.260           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                          | <b>30</b> |             | <b>1.310.626.651</b>    | <b>(4.610.363.740)</b>  |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                        |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu            | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                     | 33        |             | -                       | -                       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                    | 34        |             | -                       | -                       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                         | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                | 36        |             | (36.986.640.000)        | (20.827.443.900)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                       | <b>40</b> |             | <b>(36.986.640.000)</b> | <b>(20.827.443.900)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này         | Kỳ trước         |
|---------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------|------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                          | 50    |             | 36.279.887.780 | (59.930.745.559) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                         | 60    |             | 52.146.473.943 | 92.531.395.343   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61    |             | -              | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                        | 70    | V.1         | 88.426.361.723 | 32.600.649.784   |

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Liễu

Nguyễn Thị Đức

Đinh Quang Nhẫn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2026



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt May 7 tiền thân là Công ty TNHH MTV Dệt May 7. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt May 7 theo quyết định số 943/QĐ-BQP ngày 29/03/2017 của Bộ Quốc Phòng. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300509782 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Cấp ngày 03/07/2017, Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 ngày 31/07/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Dệt, nhuộm, in, may; Gia công sản phẩm cơ khí; Mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt, nhuộm, in, may, cơ khí.

##### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

##### **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 30/06/2026 Công ty có một đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty là Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt May 7 – Hà Nam. Mã số chi nhánh: 0300509782-002 đăng ký lần đầu ngày 30/03/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/07/2026. Địa chỉ: Thôn Nhân Hậu, Xã Nam Lý, Tỉnh Ninh Bình.

##### **6. Số lượng lao động**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30/06/2026 là: 405 người (tại ngày 31/12/2025 là 450 người).

##### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.

- Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi.

+ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không phải là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ thì đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều phải được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| Loại tài sản             | Thời gian khấu hao (năm) |          |
|--------------------------|--------------------------|----------|
|                          | Kỳ này                   | Kỳ trước |
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25                  | 05 - 25  |
| - Phương tiện vận tải    | 03 - 10                  | 03 - 10  |
| - Máy móc, thiết bị      | 06 - 10                  | 06 - 10  |

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận**

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

Thời điểm Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau: Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

##### ***Các quỹ khác***

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **17. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **18. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                             | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                    | 340.841.029           | 229.623.660           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                             | 8.085.520.694         | 11.916.850.283        |
| - Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN TP. HCM                      | 4.629.112.855         | 2.765.617.128         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam                      | 2.714.677.148         | 5.235.677.162         |
| - CN Tân Sơn Nhất                                           |                       |                       |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN An Phú | 573.166.952           | 2.328.905.229         |
| - Ngân hàng khác                                            | 168.563.739           | 1.586.650.764         |
| Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng                               | 80.000.000.000        | 40.000.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN TP. HCM                      | 30.000.000.000        | 10.000.000.000        |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN An Phú | 20.000.000.000        | 10.000.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam                      | 30.000.000.000        | 20.000.000.000        |
| - CN Tân Sơn Nhất                                           |                       |                       |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>88.426.361.723</b> | <b>52.146.473.943</b> |

**2. Phải thu khách hàng**

|                                        | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND  |
|----------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b> |                       |                        |
| Cục Quân Nhu/Tổng Cục Hậu Cần-Kỹ Thuật | 46.089.087.184        | 246.015.500.984        |
| (tên cũ Cục Quân Nhu - TCHC)           |                       |                        |
| Phải thu các đối tượng khác            | 40.786.724.922        | 23.703.001.037         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>86.875.812.106</b> | <b>269.718.502.021</b> |

**b. Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

|                                       |               |               |
|---------------------------------------|---------------|---------------|
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát | 1.434.549.609 | 3.399.767.768 |
| Công ty TNHH SX TM Thành Vinh         | 1.841.066.172 | 226.890.011   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước người bán**

|                                                | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Trả trước người bán ngắn hạn</b>         |                       |                       |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát          | 373.611.560           | -                     |
| Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Việt Sơn              | 316.431.000           | -                     |
| Công ty TNHH ĐT TM DV Đại Quang Phát           | 1.647.177.600         | -                     |
| Công ty TNHH Trương Gia Thành                  | -                     | 210.000.000           |
| Đối tượng khác                                 | 825.069.778           | 545.860.490           |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>3.162.289.938</b>  | <b>755.860.490</b>    |
| <b>b. Trả trước người bán là bên liên quan</b> |                       |                       |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát          | 373.611.560           | -                     |

**4. Phải thu khác**

|                                          | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>         | <b>1.485.197.241</b>  | <b>808.215.523</b>    |
| Tạm ứng                                  | 237.254.827           | 137.854.403           |
| Ký quỹ, ký cược                          | 15.000.000            | 15.000.000            |
| Phải thu BHXH, BHYT, BHTN của CBCNV      | 249.551.736           | 262.215.596           |
| Phải thu khác                            | 983.390.678           | 393.145.524           |
| <b>b. Phải thu khác dài hạn</b>          | <b>561.000.000</b>    | <b>2.250.000.000</b>  |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn                  | 561.000.000           | 2.250.000.000         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>2.046.197.241</b>  | <b>3.058.215.523</b>  |
| <b>c. Phải thu khác là bên liên quan</b> |                       |                       |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát    | 840.000.000           | -                     |

**5. Nợ khó đòi**

|                                  | <b>Cuối kỳ</b>       |                      | <b>Đầu năm</b>       |                      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                  | <b>Giá gốc</b>       | <b>Dự phòng</b>      | <b>Giá gốc</b>       | <b>Dự phòng</b>      |
| Công ty TNHH Green Bee Logistics | 3.988.035.982        | 2.791.625.187        | 3.988.035.982        | 2.791.625.187        |
| Công ty TNHH Dệt Đông Tiến Hưng  | 2.593.246.780        | 2.158.804.180        | 2.963.401.260        | 2.158.804.180        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>6.581.282.762</b> | <b>4.950.429.367</b> | <b>6.951.437.242</b> | <b>4.950.429.367</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

|                                     | Cuối kỳ               |          | Đầu năm               |          |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                     | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 7.931.236.301         | -        | 8.864.973.376         | -        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 144.000.000           | -        | -                     | -        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 24.545.618.108        | -        | 4.067.787.669         | -        |
| Sản phẩm                            | 56.214.988.651        | -        | 74.694.855.051        | -        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>88.835.843.060</b> | <b>-</b> | <b>87.627.616.096</b> | <b>-</b> |

**7. Chi phí chờ phân bổ**

|                                   | Cuối kỳ<br>VND       | Đầu năm<br>VND       |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                | <b>1.208.666.668</b> | <b>197.745.836</b>   |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng         | -                    | 188.333.336          |
| Chi phí sửa chữa tài sản          | 1.208.666.668        | -                    |
| Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác | -                    | 9.412.500            |
| <b>b. Dài hạn</b>                 | <b>1.644.730.586</b> | <b>3.025.177.095</b> |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng         | 1.644.730.586        | 2.107.872.818        |
| Chi phí sửa chữa tài sản          | -                    | 911.111.104          |
| Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác  | -                    | 6.193.173            |
| <b>Cộng</b>                       | <b>2.853.397.254</b> | <b>3.222.922.931</b> |

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                           | Cuối kỳ<br>VND     | Đầu năm<br>VND       |
|-------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí xây dựng trạm biến áp             | -                  | 1.400.000.000        |
| Chi phí sửa chữa hệ thống xử lý nước thải | 832.188.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>                               | <b>832.188.000</b> | <b>1.400.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                     | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                   |                           |                      |                        |                  |
| Số dư đầu năm                       | 83.553.511.651            | 440.763.635.758      | 8.212.982.608          | 532.530.130.017  |
| Số tăng trong kỳ                    | 777.777.778               | -                    | -                      | 777.777.778      |
| - <i>Xây dựng cơ bản hoàn thành</i> | 777.777.778               | -                    | -                      | 777.777.778      |
| Số giảm trong kỳ                    | -                         | -                    | -                      | -                |
| Số dư cuối kỳ                       | 84.331.289.429            | 440.763.635.758      | 8.212.982.608          | 533.307.907.795  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>       |                           |                      |                        |                  |
| Số dư đầu năm                       | 49.881.470.031            | 341.760.203.561      | 7.971.486.118          | 399.613.159.710  |
| Số tăng trong kỳ                    | 1.074.253.357             | 9.225.106.266        | 103.498.482            | 10.402.858.105   |
| Số giảm trong kỳ                    | -                         | -                    | -                      | -                |
| Số dư cuối kỳ                       | 50.955.723.388            | 350.985.309.827      | 8.074.984.600          | 410.016.017.815  |
| <b>Giá trị còn lại</b>              |                           |                      |                        |                  |
| Tại ngày đầu năm                    | 33.672.041.620            | 99.003.432.197       | 241.496.490            | 132.916.970.307  |
| Tại ngày cuối kỳ                    | 33.375.566.041            | 89.778.325.931       | 137.998.008            | 123.291.889.980  |

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 303.650.826.759 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết chờ thanh lý: 418.704.132 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

|                                                                                      | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 17.767.545            | 283.244.178           |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>                                                | <b>17.767.545</b>     | <b>283.244.178</b>    |

**11. Phải trả người bán**

|                                               | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>         |                       |                       |
| Công Ty TNHH MTV H68                          | 6.094.315.248         | -                     |
| Công ty TNHH SX và TM Tân Thủy Lâm            | 7.593.666.400         | 3.658.712.520         |
| Công ty TNHH Đầu Tư SX - TM Thanh Quang       | -                     | 1.851.564.878         |
| Công ty TNHH MTV May Châu Phú                 | 2.516.672.000         | 7.411.895.360         |
| Công ty TNHH may Phù Yên                      | -                     | 2.026.890.000         |
| Công ty TNHH SX-TM-XNK Ngọc Duy – CN Trà Vinh | 1.213.747.000         | 3.549.424.320         |
| Công ty Cổ phần Nồi Hơi Việt Nam              | -                     | 4.734.615.600         |
| Phải trả các đối tượng khác                   | 18.899.716.777        | 21.012.995.905        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>36.318.117.425</b> | <b>44.246.098.583</b> |
| <b>b. Phải trả người bán là bên liên quan</b> |                       |                       |
| Công ty TNHH SX và TM Tân Thủy Lâm            | 7.593.666.400         | 3.658.712.520         |

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                                       | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND  |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ XNK Loan Huỳnh        | 1.703.720.967         | 5.367.771.109          |
| Cục Doanh Trại/TCHC-KT                                | 5.907.195.000         | -                      |
| Tổng Cục Hậu Cần - Kỹ Thuật (tên cũ Tổng Cục Hậu Cần) | 26.780.000.000        | 129.170.000.000        |
| Các đối tượng khác                                    | 3.415.269.571         | 529.551.491            |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>37.806.185.538</b> | <b>135.067.322.600</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận**

|                                           | Cuối kỳ<br>VND | Đầu năm<br>VND        |
|-------------------------------------------|----------------|-----------------------|
| <b>a. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận</b>   |                |                       |
| Phải trả về cổ tức, lợi nhuận             | -              | 15.411.100.000        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>-</b>       | <b>15.411.100.000</b> |
| <b>b. Bên liên quan (cổ tức phải trả)</b> |                |                       |
| Công ty TNHH MTV Đông Hải                 | -              | 7.859.661.000         |
| Công ty TNHH SX TM Thành Vinh             | -              | 2.000.000.000         |
| Bà Trần Thị Phương Hạnh                   | -              | 2.000.000.000         |
| Ông Đặng Văn Lâm                          | -              | 2.000.000.000         |
| Bà Trần Thị Phương Hồng                   | -              | 281.300.000           |

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

|                            | Đầu năm<br>VND        | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã nộp<br>trong kỳ | Cuối kỳ<br>VND       |
|----------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 5.824.744.849         | 5.654.323.172           | 11.046.933.664        | 432.134.357          |
| Thuế xuất nhập khẩu        | -                     | 23.762.500              | 23.762.500            | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.059.331.742        | 4.667.670.954           | 12.260.297.756        | 3.466.704.940        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 290.968.493           | 1.037.038.891           | 1.113.542.912         | 214.464.472          |
| Thuế tài nguyên            | 5.814.480             | 30.212.560              | 30.134.160            | 5.892.880            |
| Thuế, phí và lệ phí khác   | -                     | 9.760.742               | 9.760.742             | -                    |
| <b>Cộng</b>                | <b>17.180.859.564</b> | <b>11.422.768.819</b>   | <b>24.484.431.734</b> | <b>4.119.196.649</b> |

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                       | Cuối kỳ<br>VND       | Đầu năm<br>VND     |
|-----------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí tiền điện     | 862.517.667          | 387.615.503        |
| Chi phí phải trả khác | 391.644.699          | -                  |
| <b>Cộng</b>           | <b>1.254.162.366</b> | <b>387.615.503</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16. Phải trả khác**

|                                                             | <b>Cuối kỳ</b><br>VND | <b>Đầu năm</b><br>VND |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Phải trả khác ngắn hạn</b>                            |                       |                       |
| Kinh phí công đoàn                                          | 655.397.797           | 1.535.491.497         |
| Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN                                 | 112.772.551           | 158.460.126           |
| Nhận ký cược ký quỹ                                         | 1.603.875.000         | 1.603.875.000         |
| Kinh phí, đảng phí                                          | 476.806.985           | 552.069.795           |
| Cổ đông Công đoàn                                           | 1.994.598.114         | 884.998.914           |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                           | 676.142.605           | 743.638.503           |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>5.519.593.052</b>  | <b>5.478.533.835</b>  |
| <b>b. Phải trả khác là bên liên quan</b>                    |                       |                       |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát (nhận ký cược ký quỹ) | 1.578.875.000         | 1.578.875.000         |

**17. Vốn chủ sở hữu****a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                             | <b>Vốn đầu tư của<br/>chủ sở hữu</b> | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển</b> | <b>Lợi nhuận sau<br/>thuế chưa phân<br/>phối</b> | <b>Tổng cộng</b>       |
|---------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b>                  | <b>154.111.000.000</b>               | <b>93.150.510.200</b>            | <b>39.115.821.915</b>                            | <b>286.377.332.115</b> |
| Lãi trong năm trước                         |                                      |                                  | 54.978.209.164                                   | 54.978.209.164         |
| Trích quỹ đầu tư phát triển                 |                                      | 16.406.464.466                   | (16.406.464.466)                                 | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi             |                                      |                                  | (10.832.897.129)                                 | (10.832.897.129)       |
| Trích quỹ thưởng                            |                                      |                                  | (394.875.000)                                    | (394.875.000)          |
| Ban quản lý và điều hành công ty            |                                      |                                  | (54.224.575)                                     | (54.224.575)           |
| Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2025 |                                      |                                  | (10.787.770.000)                                 | (10.787.770.000)       |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước      |                                      |                                  | (15.411.100.000)                                 | (15.411.100.000)       |
| Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2025       |                                      |                                  |                                                  |                        |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                    | <b>154.111.000.000</b>               | <b>109.556.974.666</b>           | <b>40.206.699.909</b>                            | <b>303.874.674.575</b> |
| Lãi trong kỳ này                            |                                      |                                  | 19.732.590.353                                   | 19.732.590.353         |
| Trích quỹ đầu tư phát triển                 |                                      | 5.904.377.353                    | (5.904.377.353)                                  | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi             |                                      |                                  | (12.306.032.556)                                 | (12.306.032.556)       |
| Trích quỹ thưởng                            |                                      |                                  | (420.750.000)                                    | (420.750.000)          |
| Ban quản lý và điều hành công ty            |                                      |                                  | (21.575.540.000)                                 | (21.575.540.000)       |
| Chia cổ tức                                 |                                      |                                  |                                                  |                        |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>                    | <b>154.111.000.000</b>               | <b>115.461.352.019</b>           | <b>19.732.590.353</b>                            | <b>289.304.942.372</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                                                | <b>Cuối kỳ</b><br><b>VND</b> | <b>%</b>   | <b>Đầu năm</b><br><b>VND</b> | <b>%</b>   |
|------------------------------------------------|------------------------------|------------|------------------------------|------------|
| Công ty TNHH MTV Đông Hải                      | 78.596.610.000               | 51,00      | 78.596.610.000               | 51,00      |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại<br>Thành Vinh | 20.000.000.000               | 12,98      | 20.000.000.000               | 12,98      |
| Bà Trần Thị Phương Hạnh                        | -                            | -          | 20.000.000.000               | 12,98      |
| Ông Đặng Văn Lâm                               | 5.000.000.000                | 3,24       | 20.000.000.000               | 12,98      |
| Ông Cao Trần Xuân Bách                         | 20.000.000.000               | 12,98      | -                            | -          |
| Bà Trần Thị Phương Hồng                        | 17.792.000.000               | 11,54      | 2.813.000.000                | 1,83       |
| Vốn góp của các đối tượng khác                 | 12.722.390.000               | 8,26       | 12.701.390.000               | 8,23       |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>154.111.000.000</b>       | <b>100</b> | <b>154.111.000.000</b>       | <b>100</b> |

**c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

|                       | <b>Kỳ này</b><br><b>VND</b> | <b>Kỳ trước</b><br><b>VND</b> |
|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Vốn góp đầu năm       | 154.111.000.000             | 154.111.000.000               |
| Vốn góp tăng trong kỳ | -                           | -                             |
| Vốn góp giảm trong kỳ | -                           | -                             |
| Vốn góp cuối kỳ       | 154.111.000.000             | 154.111.000.000               |

**d Cổ phiếu**

|                                         | <b>Cuối kỳ</b> | <b>Đầu năm</b> |
|-----------------------------------------|----------------|----------------|
| - Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 15.411.100     | 15.411.100     |
| - Số lượng cổ phiếu đã phát hành        | 15.411.100     | 15.411.100     |
| + Cổ phiếu thường                       | 15.411.100     | 15.411.100     |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại        | -              | -              |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành       | 15.411.100     | 15.411.100     |
| + Cổ phiếu thường                       | 15.411.100     | 15.411.100     |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

**18. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

|                     | <b>Cuối kỳ</b> | <b>Đầu năm</b> |
|---------------------|----------------|----------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | 2.611.255.182  | 2.611.255.182  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                          | Kỳ này<br>VND          | Kỳ trước<br>VND        |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán sản phẩm và doanh thu khác | 285.405.566.373        | 289.569.077.488        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>285.405.566.373</b> | <b>289.569.077.488</b> |

Doanh thu với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                            | Kỳ này<br>VND          | Kỳ trước<br>VND        |
|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn sản phẩm và giá vốn hoạt động khác | 243.925.754.009        | 250.842.251.487        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>243.925.754.009</b> | <b>250.842.251.487</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | Kỳ này<br>VND        | Kỳ trước<br>VND      |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.782.613.207        | 1.567.815.260        |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.782.613.207</b> | <b>1.567.815.260</b> |

**4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                          | Kỳ này<br>VND         | Kỳ trước<br>VND       |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Chi phí bán hàng</b>               |                       |                       |
| Chi phí nhân công                        | 1.262.183.005         | 1.254.333.819         |
| Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | 162.006.678           | 61.003.956            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định         | -                     | 26.868.668            |
| Chi phí khác                             | 2.231.534.942         | 2.031.983.960         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>3.655.724.625</b>  | <b>3.374.190.403</b>  |
| <b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>   |                       |                       |
| Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | 285.981.879           | 65.290.565            |
| Chi phí nhân công                        | 6.520.537.447         | 8.639.811.416         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định         | 463.751.647           | 517.538.646           |
| Chi phí khác                             | 7.564.015.093         | 9.748.503.854         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>14.834.286.066</b> | <b>18.971.144.481</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Thu nhập khác, Chi phí khác**

|                                          | Kỳ này<br>VND      | Kỳ trước<br>VND      |
|------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <b>a. Thu nhập khác</b>                  |                    |                      |
| Thanh lý tài sản                         | -                  | 35.879.631           |
| Thu nhập từ nhận bồi thường              | -                  | 1.495.962.914        |
| Thu nhập khác                            | 45.141.384         | 331.497.526          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>45.141.384</b>  | <b>1.863.340.071</b> |
| <b>b. Chi phí khác</b>                   |                    |                      |
| Phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp | -                  | 6.011.156            |
| Chi phí giải phóng mặt bằng              | -                  | 2.625.075.985        |
| Chi phí khác                             | 151.818.324        | 8.999                |
| <b>Cộng</b>                              | <b>151.818.324</b> | <b>2.631.096.140</b> |

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

|                                                                                                         | Kỳ này<br>VND        | Kỳ trước<br>VND      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                       | 24.665.737.940       | 17.181.550.308       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp | (1.327.383.165)      | 87.310.134           |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                             | 88.837.724           | 87.310.134           |
| + Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được tính thuế hoãn lại                                            | 88.837.724           | 87.310.134           |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                             | 1.416.220.889        | -                    |
| + Lợi nhuận chưa thực hiện đã bán trong năm                                                             | 1.416.220.889        | -                    |
| Tổng lợi nhuận tính thuế                                                                                | 23.338.354.775       | 17.268.860.442       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                    | 20%                  | 20%                  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                            | 4.667.670.954        | 3.453.772.088        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước                                                                | -                    | 7.820.000            |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ</b>                                                      | <b>4.667.670.954</b> | <b>3.461.592.088</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

|                                                                                          | Kỳ này<br>VND      | Kỳ trước<br>VND     |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận nội bộ đã thực hiện   | 283.244.178        | (17.462.027)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện | (17.767.545)       | -                   |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng                                             | 20%                | 20%                 |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>                                       | <b>265.476.633</b> | <b>(17.462.027)</b> |

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

|                                                                                                | Kỳ này<br>VND  | Kỳ trước<br>VND |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế                                                                     | 19.732.590.353 | 13.737.420.247  |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông | -              | -               |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                    | -              | -               |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                    | -              | -               |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông                                                          | 19.732.590.353 | 13.737.420.247  |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành                                                               | 15.411.100     | 15.411.100      |
| Lãi trên cổ phiếu                                                                              |                |                 |
| - Lãi cơ bản                                                                                   | 1.280          | 891             |
| - Lãi suy giảm                                                                                 | 1.280          | 891             |

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                           | Kỳ này<br>VND          | Kỳ trước<br>VND        |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ    | 185.609.422.225        | 177.135.392.539        |
| Chi phí nhân công                         | 32.860.182.120         | 37.025.958.597         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định          | 10.402.858.105         | 10.041.268.069         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác | 35.541.266.289         | 66.204.284.624         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>264.413.728.739</b> | <b>290.406.903.829</b> |

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1 Danh mục các bên liên quan**

| Các bên liên quan                     | Mối quan hệ                          |
|---------------------------------------|--------------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Đông Hải             | Công ty mẹ                           |
| Công ty TNHH SX TM Thành Vinh         | Cổ đông lớn                          |
| Bà Trần Thị Phương Hạnh               | Cổ đông lớn – Đến ngày 30/03/2026    |
| Ông Đặng Văn Lâm                      | Cổ đông lớn – Đến ngày 25/03/2026    |
| Bà Trần Thị Phương Hồng               | Cổ đông lớn – Từ ngày 30/03/2026     |
| Ông Cao Trần Xuân Bách                | Cổ đông lớn – Từ ngày 25/03/2026     |
| Công ty TNHH SX và TM Tân Thủy Lâm    | Bên liên quan với cổ đông lớn        |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát | Bên liên quan với thành viên quản lý |

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****2.2 Giao dịch với bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan                     | Nội dung nghiệp vụ            | Giá trị giao dịch (VND) |                |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|----------------|
|                                       |                               | Kỳ này                  | Kỳ trước       |
| Công ty TNHH MTV Đông Hải             | Chia cổ tức                   | 11.003.525.400          | 5.501.762.700  |
|                                       | Mua hàng                      | 44.685.000              | -              |
|                                       | Bán hàng                      | -                       | 193.513.889    |
| Công ty TNHH SX TM Thành Vinh         | Chia cổ tức                   | 2.800.000.000           | 1.400.000.000  |
|                                       | Bán hàng                      | 3.400.168.750           | 12.154.945.044 |
|                                       | Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 15.841.488              | 23.013.777.208 |
| Bà Trần Thị Phương Hạnh               | Chia cổ tức                   | -                       | 1.400.000.000  |
| Ông Đặng Văn Lâm                      | Chia cổ tức                   | 700.000.000             | 1.400.000.000  |
| Bà Trần Thị Phương Hồng               | Chia cổ tức                   | 2.490.880.000           | 387.670.000    |
| Ông Cao Trần Xuân Bách                | Chia cổ tức                   | 2.800.000.000           | -              |
| Công ty TNHH SX và TM Tân Thủy Lâm    | Mua nguyên vật liệu           | 29.486.637.575          | 16.696.478.500 |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Cao Gia Phát | Bán hàng                      | 7.426.126.584           | 16.623.883.737 |
|                                       | Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 18.084.867.786          | 1.405.523.754  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lương, thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và kế toán trưởng trong kỳ như sau:

| Họ tên                  | Chức danh                                                               | Nội dung | Kỳ này<br>VND        | Kỳ trước<br>VND      |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Tùng    | Chủ tịch HĐQT - Từ ngày 06/03/2025                                      | Thu nhập | 401.800.000          | 97.200.000           |
| Bà Lại Thị Bảy          | Chủ tịch HĐQT - Đến ngày 06/03/2025                                     | Thu nhập | 46.800.000           | 372.600.000          |
| Ông Đinh Quang Nhẫn     | Giám đốc, Thành viên HĐQT                                               | Thu nhập | 448.600.000          | 435.200.000          |
| Ông Nguyễn Thanh Dương  | Phó Giám đốc - Đến ngày 01/04/2025, Thành viên HĐQT                     | Thu nhập | 94.620.000           | 332.980.000          |
| Ông Hà Hồng Quân        | Phó Giám đốc                                                            | Thu nhập | 372.000.000          | 374.200.000          |
| Ông Cao Xuân Minh       | Thành viên HĐQT - Đến ngày 06/03/2025                                   | Thù lao  | 1.680.000            | 19.600.000           |
| Ông Nguyễn Xuân Thủy    | Thành viên HĐQT                                                         | Thu nhập | 309.000.000          | 281.257.404          |
| Bà Trần Thị Phương Hồng | Phó Giám đốc - Từ ngày 01/04/2025, Thành viên HĐQT - Từ ngày 06/03/2025 | Thu nhập | 314.340.000          | 60.260.000           |
| Bà Nguyễn Thị Kim Anh   | Trưởng Ban kiểm soát                                                    | Thù lao  | 20.700.000           | 20.700.000           |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy | Thành viên Ban kiểm soát                                                | Thù lao  | 13.800.000           | 13.800.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thuận     | Thành viên Ban kiểm soát                                                | Thù lao  | 13.800.000           | 13.800.000           |
| Bà Nguyễn Thị Đức       | Kế toán trưởng - Từ ngày 01/04/2024                                     | Thu nhập | 372.000.000          | 319.600.000          |
| Ông Phạm Văn Tài        | Kế toán trưởng - Đến ngày 01/04/2024                                    | Thu nhập | -                    | 54.600.000           |
| <b>Tổng cộng</b>        |                                                                         |          | <b>2.409.140.000</b> | <b>2.395.797.404</b> |

**3. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt may, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### **4. Tài sản đảm bảo**

Tại ngày 30/06/2026, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

#### **5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

|                          | <b>Từ 01 năm<br/>trở xuống</b> | <b>Từ 01 năm<br/>đến 05 năm</b> | <b>Cộng</b>            |
|--------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>        | <b>96.084.282.514</b>          | -                               | <b>96.084.282.514</b>  |
| Phải trả người bán       | 36.318.117.425                 | -                               | 36.318.117.425         |
| Người mua trả tiền trước | 37.806.185.538                 | -                               | 37.806.185.538         |
| Chi phí phải trả         | 1.254.162.366                  | -                               | 1.254.162.366          |
| Phải trả khác            | 20.705.817.185                 | -                               | 20.705.817.185         |
| <b>Số đầu năm</b>        | <b>241.082.774.133</b>         | -                               | <b>241.082.774.133</b> |
| Phải trả người bán       | 44.246.098.583                 | -                               | 44.246.098.583         |
| Người mua trả tiền trước | 135.067.322.600                | -                               | 135.067.322.600        |
| Chi phí phải trả         | 387.615.503                    | -                               | 387.615.503            |
| Phải trả khác            | 61.381.737.447                 | -                               | 61.381.737.447         |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Công ty khẳng định không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**9. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét. Trong đó số liệu đầu năm trên báo cáo tình hình tài chính được trình bày lại do áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 như sau:

| Chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính | Số đầu năm<br>(trình bày lại) | Số đầu năm<br>(đã báo cáo) | Chênh lệch       |
|-------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------|
| Phải trả cổ tức, lợi nhuận                | 15.411.100.000                | -                          | 15.411.100.000   |
| Phải trả ngắn hạn khác                    | 5.478.533.835                 | 20.889.633.835             | (15.411.100.000) |

**Người lập****Kế toán trưởng****Giám đốc**

Nguyễn Thị Liễu

Nguyễn Thị Đức

Đinh Quang Nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2026